

Bản án số 21/2024/DS-PT

Ngày 18-01- 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Minh

*Các Thẩm phán:* Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Nơ - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 526/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2818/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 277/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 73/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Trương Văn D, sinh năm 1962. Cư trú tại: Ấp T H, xã Tr Ng, huyện V L, tỉnh Vĩnh Long; (vắng mặt).

***Người đại diện theo ủy quyền:*** Lâm Thị Hồng C. Cư trú tại: Số 506/19/30 Đường 3/2, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

***- Bị đơn:***

1. Ông Trương Văn H, sinh năm 1956 (chết ngày 25/01/2019);

2. Bà Đinh Thị Bạch N, sinh năm 1960, Cư trú tại: Ấp T H, xã Tr Ng, huyện V L, tỉnh Vĩnh Long; (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà N:* Ông Tô Minh S, sinh năm 1990. Cư trú tại: Đường H V, ấp M L, thị trấn C D, huyện P H, tỉnh Hậu Giang; (có mặt).

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H:*

1. Bà Đinh Thị Bạch N, sinh năm 1960; (vắng mặt).

2. Bà Đoàn Thị X, sinh năm 1935; (xin vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp T H, xã Tr Ng, huyện V L, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà Trương Thị Diễm T, sinh năm 1984. Cư trú tại: Ấp T H, xã Tr Ng, huyện V L, tỉnh Vĩnh Long. Hiện đang sinh sống tại: 1 place Sainte Scarbes 31000 Toulouse france metropolitaine; (vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Luật sư Nguyễn Hòa Th, Công ty TNHH MTV T N thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trương Thị Diễm T, sinh năm 1984, địa chỉ: Ấp T H, xã Tr Ng, huyện V L, tỉnh Vĩnh Long. Hiện đang sinh sống tại: 1 place Sainte Scarbes 31000 Toulouse france metropolitaine; (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Thùy:* Ông Tô Minh S, sinh năm 1990, Cư trú tại: Đường H V, ấp M L, thị trấn C D, huyện P H, tỉnh Hậu Giang; (có mặt).

2. Bà Trương Hồng L, sinh năm 1976, địa chỉ: 04 rue Gaston Bachelard 31500 Toulouse France; (xin vắng mặt).

3. Văn phòng Công chứng T V K, địa chỉ: Số 36, đường Ng T H, Phường 2, thành phố T V, tỉnh Trà Vinh; (xin vắng mặt).

*- Người kháng cáo:* Ông Trương Văn D là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 11 tháng 12 năm 2017 nguyên đơn ông Trương Văn D trình bày:*

Vào ngày 15/6/2015 ông Trương Văn H và vợ là bà Đinh Thị Bạch N có mượn của ông số tiền 25.000 Euro (hai mươi lăm nghìn Euro), thời hạn là 02 năm, nhiều lần ông yêu cầu ông H và bà N trả lại số tiền trên cho ông nhưng vợ chồng ông H, bà N cứ khất hẹn lần này đến lần khác cho đến nay thời gian đã quá lâu mà vẫn không trả lại số tiền nợ cho ông. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trương Văn H và bà Đinh Thị Bạch N trả lại cho ông số tiền 672.708.000đ (sáu trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm lẻ tám ngàn đồng) tương đương 25.000 Euro (hai mươi lăm nghìn Euro).

*Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/4/2021: ông Dũng yêu cầu bà Đinh Thị Bạch N và chị Trương Thị Diễm T phải trả cho ông số tiền 692.350.000 đồng (tương đương 25.000 Euro).*

*- Tại bản tự khai ngày 05/4/2018, bị đơn ông Trương Văn H và bà Đinh Thị Bạch N trình bày:*

Ông H có người em gái tên Trương Hồng L và em rể Phan Anh T đang định cư ở tỉnh Toulouse France nước Pháp và có nhà hàng ăn uống tại tỉnh Toulouse. Năm 2012 vợ chồng bà L về Việt Nam chơi ở tại nhà mẹ ruột của ông là bà Đoàn Thị X. Sau đó bà L có giới thiệu cho chị Trương Thị Diễm T là con ruột của ông bà lấy chồng nước ngoài. Mọi chi phí chị T sang Pháp do bà L lo, sau khi sang Pháp chị T làm công tại nhà hàng của bà Loan sẽ trừ tiền lương. Trong quá trình chị T sang Pháp làm việc cho bà L thì xảy ra mâu thuẫn nên chị T không làm nữa.

Bà L tính tiền chị T thiếu cộng với số tiền ông D mượn bà L 50.000.000 đồng, tổng cộng là 25.000 Euro. Đến tháng 6/2015 ông Trương Văn D dẫn 02 công chứng viên vào nhà ông H nói là ông D làm giấy mượn nợ dùm cho Trương Hồng L và Phan Anh T, do Trương Thị Diễm T thiếu tiền bà L và ông T. Nếu ông, bà không ký vào giấy nợ này thì tới ngày làm giấy gia hạn tạm trú của chị T và các giấy tờ khác bên Pháp bà L sẽ không làm, sợ chị T không được gia hạn ở lại nước Pháp nên vợ chồng ông H đồng ý ký vào giấy mượn nợ Trương Văn D 25.000 Euro để chị T được ở lại Toulouse France, thực tế ông D không có giao tiền cho ông bà.

Mẹ ông D là bà Đoàn Thị X biết rất rõ việc vợ chồng ông ký hợp đồng mượn tiền với Trương Văn D là nhận nợ cho con gái ông là Trương Thị Diễm T thiếu Trương Hồng L ở Toulouse France. Sau đó chị T đã trả cho bà L nhiều lần bằng tiền mặt là 13.500 Euro và trừ 08 tháng tiền công chị T làm cho bà L, như vậy chị T đã trả xong nợ cho bà L.

*- Theo đơn phản tố ngày 28/9/2020 của bà Đinh Thị Bạch N có anh Tô Minh S là người đại diện hợp pháp trình bày:*

Ngày 15/6/2015 bà N và ông H (chết ngày 25/02/2019) có xác lập hợp đồng mượn tiền với ông Trương Văn D được Văn phòng công chứng CL, tỉnh Trà Vinh chứng thực số 205 quyển số 01-SCT/HĐ.GD, số tiền mượn ghi trong hợp đồng là 25.000 Euro, thời hạn là 02 năm, được tính kể từ ngày 15/05/2015 đến ngày 15/06/2017. Sau khi ký hợp đồng mượn tiền cho đến nay, bà N và ông H không nhận được số tiền 25.000 Euro từ ông D như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Chị Trương Thị Diễm T không biết bà N và ông H ký hợp đồng mượn tiền với ông D, đến khi ông D khởi kiện bà N, ông H thì chị T mới biết. Ông H, bà N và chị T khẳng định chưa được nhận số tiền nêu trên từ ông D.

Việc ông Trương Văn D yêu cầu phía bị đơn phải trả lại số tiền 25.000 Euro cho ông là không có cơ sở, bởi lẽ: các bên mới chỉ thực hiện việc ký kết hợp đồng mượn tiền với nhau nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ, cụ thể là ông D chưa giao cho ông H, bà N số tiền 25.000 Euro theo như thỏa thuận trong hợp đồng đã ký. Hợp

đồng mượn tiền được xác lập giữa các bên đã vi phạm điều cấm của pháp luật do sử dụng ngoại tệ trong giao dịch dân sự trên lãnh thổ Việt Nam.

Vì vậy, bị đơn có phản tố yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng mượn tiền xác lập ngày 15/6/2015 do Văn phòng công chứng C L, tỉnh Trà Vinh chứng thực số 205 quyển số 01-SCT/HĐ.GD giữa ông H, bà N với ông Trương Văn D. Bị đơn không đồng ý trả số tiền 25.000 Euro theo yêu cầu của nguyên đơn, vì không có nhận tiền.

*- Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/02/2023 của chị Trương Thị Diễm T là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông H và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Ông Trương Văn D kiện cha mẹ chị và chị đòi số tiền 692.350.000 đồng tương đương 25.000 Euro theo hợp đồng mượn tiền ngày 15/6/2015 là không đúng sự thật. Cha mẹ chị ký tên vào hợp đồng mượn tiền với ông Trương Văn D chị không hề hay biết, đến khi ông D khởi kiện ra Tòa, gia đình báo tin chị mới biết. Lý do cha mẹ chị ký tên vào hợp đồng mượn tiền ngày 15/6/2015 là do cô ruột của chị là bà Trương Hồng L ở nước Pháp giới thiệu cho chị kết hôn với người nước ngoài và bảo lãnh chị qua Pháp làm việc cho bà L. Chị xuất cảnh sang Pháp vào tháng 3/2014 và làm việc cho bà L được 08 tháng thì xảy ra mâu thuẫn trong công việc, chị bị bóc lột sức lao động, nhưng ở nhà không ai tin, nên chị bỏ đi, không làm cho bà L nữa và cắt liên lạc với mọi người. Lúc này bà L điện thoại về cho ông Trương Văn D buộc cha mẹ chị phải ký giấy mượn tiền với ông Trương Văn D để lấy số tiền đó hoàn lại chi phí mà bà L đã bảo lãnh chị sang nước Pháp, nếu cha mẹ chị không ký thì bà L không gia hạn giấy tờ cho chị ở lại nước Pháp. Vì lúc đó Visa của chị gần hết hạn, phải có người bảo lãnh làm thủ tục gia hạn mới được ở lại. Thời điểm đó cha chị là ông Trương Văn H bị bệnh, sợ chị bị trả về nước nên cha mẹ chị đã đồng ý ký vào hợp đồng mượn tiền, ông D kêu công chứng viên Lê Thị N đến nhà công chứng vào hợp đồng mượn tiền ngày 15/6/2015 trong lúc cha chị đang dưỡng bệnh nằm ở nhà. Thực tế cha mẹ chị không có nhận số tiền 25.000 Euro của ông D, vì ông D hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn không có tiền Euro để cho cha mẹ chị mượn.

Bà Trương Hồng L lo cho chị qua nước Pháp chi phí hết số tiền khoảng 25.000 Euro, chị cũng đồng ý sẽ trả lại số tiền này cho bà L nên sau khi làm cho bà L được 08 tháng thì chị ra ngoài làm và đã trả dần trong năm 2015, 2016 được 13.500 Euro, còn lại 08 tháng tiền công làm cho bà L (mỗi tháng 1.300 Euro), nhưng bà L không trả tiền cho chị mà trừ vào chi phí bà L lo cho chị qua Pháp xem như đã trừ nợ xong. Chị không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông Trương Văn D, vì cha mẹ chị ký hợp đồng mượn tiền là do bà L giao cho ông D ép buộc, nếu không ký thì bà L không làm thủ tục gia hạn cho chị ở lại Pháp nên cha mẹ chị mới ký, thực tế cha mẹ chị không có nhận số tiền 25.000 Euro của ông D.

*- Tại bản khai ý kiến ngày 06/7/2023 (có hợp pháp hóa lãnh sự) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Hồng L trình bày:*

Bà được biết ông Trương Văn D kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Trương Văn H và bà Đinh Thị Bạch N. Vợ chồng ông H, bà N trình bày khoản tiền 25.000 Euro hiện nay ông D kiện ông H và bà N là số tiền mượn của bà là không đúng sự thật, bà khẳng định số tiền 25.000 Euro đang tranh chấp không liên quan đến bà. Vì vậy, bà đề nghị được vắng mặt các phiên họp hòa giải công bố chứng cứ và phiên tòa, cam kết không khiếu nại gì về sau.

- *Tại bản khai ý kiến ngày 06/7/2023 (có hợp pháp hóa lãnh sự) bà Đoàn Thị X là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông H trình bày:*

Bà là mẹ ruột của nguyên đơn ông Trương Văn D và bị đơn ông Trương Văn H, bà biết rõ số tiền 25.000 Euro do vợ chồng ông H mượn để trị bệnh cho ông H, đây là số tiền ông D dành dụm lo cho con gái đi du học. Khi còn sống ông H có hứa trả lại cho ông D, việc này đã được Tòa án nhân dân huyện V L lập biên bản và ông H còn nói sẽ đóng án phí cho ông D, nhưng sau khi ông H chết thì bà N thay đổi ý kiến không đồng ý trả tiền cho ông D. Hiện nay, do bà đi du lịch nước Pháp và đang ở nhà con gái Trương Hồng L nên không tham gia giải quyết vụ án được, đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện V L bà Lê Thị N (Văn phòng công chứng C L – Trà Vinh) trình bày:*

Bà là công chứng viên làm việc tại Văn phòng công chứng C L – Trà Vinh, vào ngày 15/6/2015 bà đến nhà ông Trương Văn H và bà Đinh Thị Bạch N để lấy mẫu chữ ký của ông H, bà N, sau đó đem về văn phòng công chứng chứng thực. Lý do đến nhà lấy chữ ký vì thời điểm đó ông H bị bệnh, pháp luật quy định được đến nhà lấy mẫu chữ ký. Bà không chứng kiến việc giao nhận tiền giữa hai bên, trong hợp đồng có ghi việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện. Bà xin được vắng mặt không tham gia phiên tòa.

- *Văn phòng công chứng T V K có văn bản ngày 31/5/2023 trình bày:*

Văn phòng công chứng tiếp nhận lưu trữ hồ sơ của Văn phòng công chứng C L – Trà Vinh. Căn cứ Luật Công chứng thì Văn phòng công chứng C L – Trà Vinh giải thể và chỉ chuyển giao hồ sơ lưu cho Văn phòng công chứng Trần Văn Kha nên Văn phòng công chứng T V K, tỉnh Trà Vinh không kế thừa quyền và nghĩa vụ của Văn phòng công chứng C L- Trà Vinh. Vì vậy, Văn phòng công chứng T V K không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và cũng không nắm được các nội dung do công chứng viên Lê Thị N thực hiện.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 14/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn D về việc đòi bà Đinh Thị Bạch N và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trương Văn H liên đới trả số tiền 692.350.000 đồng tương đương 25.000 Euro.
2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đinh Thị Bạch N do anh Tô Minh S làm đại diện.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc vô hiệu hợp đồng mượn tiền xác lập ngày 15/6/2015 giữa ông Trương Văn D và ông Trương Văn H, bà Đinh Thị Bạch N do Văn phòng công chứng C L - Trà Vinh chứng thực số 205 quyền số 01-SCT/HĐ.GD ngày 15/6/2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 28/7/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long nhận đơn kháng cáo của ông Trương Văn D là nguyên đơn, kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đinh Thị Bạch N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lâm Thị Hồng C đại diện theo ủy quyền của ông Trương Văn D là nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu buộc bà N và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông H có trách nhiệm trả số tiền 692.350.000đ tương đương 25.000 Euro. Bởi vì, trên các cơ sở chứng cứ là hợp đồng mượn tiền có công chứng vào ngày 15/6/2015, tại Biên bản hòa giải ngày 12/6/2018 ông H và bà N đồng ý trả số nợ cho ông D được Tòa án nhân dân huyện V L, tỉnh Vĩnh Long lập biên bản hòa giải thành đây là số tiền ông D cho ông H mượn để chữa bệnh.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Tô Minh S trình bày:* đề nghị cấp phúc thẩm giữ y bản án sơ thẩm vì án xét xử đúng pháp luật.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Hòa Th trình bày:* Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bác yêu cầu khởi kiện giữ y án sơ thẩm. Nguyên đơn cho rằng tiền cho mượn bằng đồng Euro có được do người thân gửi về và dùng tiền Việt Nam mua vấn đề này đã được chứng minh, làm rõ tại cấp sơ thẩm là không có cơ sở để chấp nhận.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng hợp đồng mượn tiền có công chứng nhưng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy nguyên đơn không chứng minh được có việc giao nhận tiền, tại Biên bản hòa giải thành ngày 12/6/2018, ông H có đồng ý trả nợ nhưng cũng đã thay đổi ý kiến nên cũng không có cơ sở để xác định có việc giao nhận tiền. Nguyên đơn kháng cáo nhưng cũng không có chứng cứ gì mới, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo giữ y án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Các đương sự được triệu tập hợp lệ, có đơn xin vắng mặt, việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 226 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Đơn kháng cáo của ông Trương Văn D được làm trong thời hạn luật định được chấp nhận, đủ điều kiện thụ lý, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Trương Văn D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Ông Trương Văn D khởi kiện yêu cầu ông Trương Văn H và bà Đinh Thị Bạch N đòi trả số tiền 692.350.000 đồng, tương đương 25.000 Euro theo Hợp đồng mượn tiền được xác lập ngày 15/6/2015. Nội dung hợp đồng mượn tiền ghi nhận: ông Trương Văn D đồng ý cho ông Trương Văn H và bà Đinh Thị Bạch N mượn số tiền 25.000 Euro (hai mươi lăm ngàn Euro). Thời hạn mượn tiền là 02 năm, kể từ ngày 15/6/2015 đến ngày 15/6/2017. Việc giao nhận tiền được thực hiện trực tiếp ngay sau khi ký hợp đồng mượn tiền và việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật. Hợp đồng mượn tiền được Văn phòng C L – Trà Vinh chứng thực số 205 quyền số 01-SCT/HĐ.GD ngày 15/6/2015 do công chứng viên Lê Thị N thực hiện. Ông H và bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 11/12/2017, ông D làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện V L, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ Biên bản hòa giải ngày 12/6/2018 và Biên bản hòa giải thành ngày 12/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện V L ông H và bà N đồng ý trả nợ cho ông D số nợ 25.000 Euro tương đương 672.708.000 đồng Việt Nam.

[2.2] Việc ông H đã thừa nhận nợ, đồng ý trả nợ được Tòa án lập biên bản hòa giải thành nhưng sau đó ngày 13/6/2018 ông H và bà N phản đối cho rằng do không có nhận tiền của ông D nên không đồng ý trả nợ. Căn cứ theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh” và tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập tài liệu, cung cấp giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. Như vậy, nghĩa vụ chứng minh có nợ hay không lúc này thuộc trách nhiệm là của bị đơn ông H và bà N. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng tại Điều 3 của hợp đồng mượn tiền ngày 15/6/2015 về phương thức giao nhận tiền ghi nhận: “Việc giao nhận tiền này được thực hiện trực tiếp ngay sau

*khi ký hợp đồng mượn tiền. Việc giao nhận này do hai bên tự thực hiện và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật” và ông D cũng thừa nhận khi ký hợp đồng không có giao tiền, đây là số tiền lớn, nhưng việc giao nhận tiền không có lập giấy tờ, phía bị đơn không thừa nhận có nhận tiền; nguyên đơn không cung cấp được biên nhận nhận tiền hoặc tài liệu, chứng cứ khác như băng ghi âm, ghi hình liên quan đến việc giao nhận tiền, giấy tờ biên lai chuyển khoản, người làm chứng... biết về mối quan hệ giao dịch để làm cơ sở chứng minh hợp đồng vay tiền là có thật để bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đủ cơ sở.*

[2.3] Xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy: bị đơn ông H và bà N chỉ trình bày cho rằng ông D không có giao tiền, không có nợ ông D vì áp lực bà Trương Hồng L về số tiền lo chi phí bảo lãnh cho con gái Trương Thị Diễm T ở lại Pháp và khoản tiền mượn 50 triệu đồng trị bệnh cho ông H nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh. Ông D cũng không thừa nhận lời khai của ông H và bà N, việc trình bày của ông H, bà N cũng không có cơ sở bởi nếu nợ bà Trương Hồng L nhưng tại sao lại ký nhận nợ với ông D, không phản đối khiếu nại gì về giấy nợ đã ký với ông D từ ngày 15/6/2015; trong khi đó, bà Trương Hồng L có bản khai ngày 06/7/2023 trình bày: *“Ông H, bà N cho rằng khoản tiền 25.000 Euro hiện nay ông D kiện ông H và bà N là số tiền mà gia đình ông H mượn bà L là không đúng sự thật. Bà L khẳng định số tiền 25.000 Euro không liên quan đến bà”*. Mặt khác, ông D, ông H và bà L là anh em ruột trong gia đình, việc vay mượn tiền các bên có thành lập văn bản, có chứng chứng thực của công chứng viên. Đồng thời, bà Đoàn Thị X là mẹ ruột của nguyên đơn ông Trương Văn D và bị đơn ông Trương Văn H trình bày *“Bà biết rõ số tiền 25.000 Euro do vợ chồng ông H mượn để trị bệnh cho ông H, đây là số tiền ông D dành dụm lo cho con gái đi du học. Khi còn sống ông H có hứa trả lại cho ông D, việc này đã được Tòa án nhân dân huyện V L lập biên bản và ông H còn nói sẽ đóng án phí cho ông D, nhưng sau khi ông H chết thì bà N thay đổi ý kiến không đồng ý trả tiền cho ông D”*.

[2.4] Như vậy, với các chứng cứ đã nêu cho thấy có đủ căn cứ để xác định ông Trương Văn D có cho ông Trương Văn H và bà Đinh Thị Bạch N mượn tiền 25.000 Euro theo hợp đồng mượn tiền ngày 15/6/2015 do Văn phòng C chứng thực số 205 quyền số 01-SCT/HĐ.GD ngày 15/6/2015. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá chứng cứ chưa toàn diện và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn D là chưa đúng, kháng cáo của ông Trương Văn D có cơ sở được chấp nhận. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc tuyên bố hợp đồng mượn tiền được xác lập ngày 15/6/2015 giữa ông D và ông H, bà N bị vô hiệu nên cấp phúc thẩm căn cứ Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu buộc hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn D đối với bị đơn ông Trương Văn H và bà Đinh Thị Bạch N đòi trả lại số tiền vay 25.000 Euro, sửa bản án sơ thẩm buộc bà Đinh Thị Bạch N và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trương Văn H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền: 692.350.000 đồng, tương đương 25.000 Euro cho ông Trương Văn D.



[2.5] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc vô hiệu hợp đồng mượn tiền ngày 15/6/2015 do Văn phòng C L – Trà Vinh chứng thực số 205 quyền số 01-SCT/HĐ.GD ngày 15/6/2015, Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc tuyên bố hợp đồng mượn tiền được xác lập ngày 15/6/2015 giữa ông D và ông H, bà N bị vô hiệu theo quy định tại Điều 122, Điều 128 Bộ luật dân sự năm 2005. Các đương sự thống nhất không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Luật sư bảo vệ cho bị đơn đề nghị bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ y án sơ thẩm không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên Ông D không phải chịu án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm ông Trương Văn H và bà Đinh Thị Bạch N phải chịu nhưng do ông H và bà N là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309, Điều 148, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận kháng cáo của ông Trương Văn D là nguyên đơn. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 14/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Cụ thể tuyên:**

**Áp dụng:** Điều 26, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 122, 128, 137 Bộ luật dân sự 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn D.**

Buộc bà Đinh Thị Bạch N và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trương Văn H liên đới trả số tiền: 692.350.000 đồng (Sáu trăm chín mươi hai triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng), tương đương 25.000 Euro.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

1.2. Án phí dân sự sơ thẩm ông Trương Văn H và bà Đinh Thị Bạch N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Văn D không phải chịu án phí.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm về công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về vô hiệu hợp đồng, phần án phí hoàn trả không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu (Án – Nơi 20b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Minh**